TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ
Ngày 16/01/2025
Về việc tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Việt Hòa

Ông Phí Văn Chân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 482/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 129/ 2024/ QĐST – HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

*__Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N__, __sinh năm 1979;__

HKTT: TDP Hoàng 12, phường C, quận B, Thành phố H

Cư trú: Số nhà 41, ngõ 514 T, phường C, quận B, Thành phố H.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ H , sinh năm 1975;**

HKTT+cư trú: TDP Hoàng 12, Cổ Nhuế 1, quận B, thành phố H.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị N trình bày:***

Năm 2018, chị có kết hôn với anh Nguyễn Vũ H tại UBND phường C, quận B, Thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống hạnh phúc được thời gian vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là anh chị không hợp nhau về tính cách và do anh H nghiện ngập không quan tâm tới chị nên anh chị thường xuyên dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Anh chị sinh sống được cùng nhau mấy tháng thì chị đã thuê nhà đi nơi khác sinh sống, kể từ đó anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm tới

nhau. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể gàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh H không có con chung.

*Về tài sản, nhà đất, công nợ: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Vũ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.***

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2018 tại UBND phường C, quận B, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, hai bên đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống. Anh H không có lời khai và không đến Tòa án làm việc nhưng tại biên bản xác minh thể hiện chị N đã chuyển đi nơi khác ăn ở sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Toà án cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh H và chị N không có con chung nên không phải giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: không có nên không xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Vũ H có HKTT+ cư trú tại TDP H, phường C, quận B, Thành phố H, chị N có đơn xin ly hôn với anh H, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Nguyễn Vũ H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Toà án làm việc, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Việc anh H không đến Toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ khoản 2 điều 227 , Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2018 tại UBND phường C, quận B, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyễn cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Anh H chị N không có con chung nên không xem xét

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N đối với anh Nguyễn Vũ H. Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: không có con chung nên không xem xét

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021981 ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự
-

Lê Thị Tuyết